TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN PHÚ NHUẬN** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 211/2022/DS-ST
Ngày: 31-03-2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Út

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Nguyễn Minh Nam

2. Ông Nguyễn Văn Lợi

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Minh Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành mở phiên tòa sơ thẩm xét xử vụ án dân sự thụ lý số: 381/2021/TLST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2022/QĐST-DS ngày 11/3/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S.

Địa chỉ: Đường N, Phường 8, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Ma Kháng C là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 17/02/2022) (Có đơn xin vắng mặt)

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị Như M (Vắng mặt)

Địa chỉ: Đường H, Phường 13, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ VIỆC:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/5/2021 của Ngân hàng TMCP S và quá trình giải quyết vụ án bà Lê Thị Như M là người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 15/12/2014 và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S. Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là S) cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà M đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 81.944.312 đồng (chưa bao gồm phí và lãi phát sinh) và đã thanh toán cho S số tiền 94.699.130 đồng theo thứ tự thanh toán được quy định tại Điều 20 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, bà Lê Thị Như M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Căn cứ vào Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, S đã chấm dứt quyền sử dụng các thẻ tín dụng của bà M vào ngày 05/3/2021 và đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 31/3/2022, bà Lê Thị Như M còn nợ S các khoản sau:

- Gốc: 21.630.385 đồng.

- Lãi quá hạn: 10.995.920 đồng.

Tổng cộng: 32.625.305 đồng.

S yêu cầu bà Lê Thị Như M thanh toán số tiền gốc và lãi quá hạn là 32.625.305 đồng và tiếp tục trả lãi quá hạn theo hợp đồng tín dụng. Thi hành một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập bị đơn bà M nhiều lần nhưng bị đơn đều vắng mặt, Tòa án đã tiến hành xác minh tại Công an Phường 13 quận P thì bà M có địa chỉ thường trú tại đường H, Phường 13, quận P, Tp. Hồ Chí Minh, hiện nay bà M không cư trú tại địa phương, đi đâu không rõ. Do đó Tòa án đã tiến hành thủ tục tống đạt giấy triệu tập đối với bị đơn theo qui định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

+ Về việc tuân theo pháp luật của theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn bà Lê Thị Như M có nơi cư trú cuối cùng tại quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn bà Lê Thị Như M đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 15/12/2014 và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S. Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là S) cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, bà Lê Thị Như M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, S đã chấm dứt quyền sử dụng các thẻ tín dụng của bà M và đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn.

Hội đồng xét xử nhận thấy các thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 91, 95 và 98 Luật tổ chức tín dụng năm 2010 và Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng của Thống đốc Ngân hàng nhà nước, do đó yêu cầu của Ngân hàng có căn cứ chấp nhận, buộc bà Lê Thị Như M trả số tiền 32.625.305 đồng (trong đó gốc là 21.630.385 đồng và lãi quá hạn là 10.995.920 đồng).

Ngoài ra, bà M còn phải trả tiền lãi quá hạn phát sinh kể từ ngày 01/4/2022 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày ngày 15/12/2014.

[3] Về án phí:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Luật Phí và Lệ phí năm 2015, bà Lê Thị Như M phải chịu án phí sơ thẩm đối với nghĩa vụ phải thanh toán;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, 95 và 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phám Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn - Ngân hàng TMCP S:

Buộc bà Lê Thị Như M phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền là 32.625.305 đồng (trong đó nợ gốc còn lại là 21.630.385 đồng, lãi quá hạn là 10.994.920 đồng) theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 15/12/2014 và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng giữa Ngân hàng thương mại Cổ phần S và bà Lê Thị Như M.

2. Về án phí:

- Bà Lê Thị Như M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.631.265 *(Một triệu sáu trăm ba mươi mốt ngàn hai trăm sáu mươi lăm)* đồng.

- Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 572.000 *(Năm trăm bảy mươi hai ngàn)* đồng theo biên lai thu tiền số 0019905 ngày 26 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bà Lê Thị Như M còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 15/12/2014 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong các Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 15/12/2014, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thương mại Cổ phần S thì lãi suất mà bà Lê Thị Như M phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng thương mại Cổ phần S theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng thương mại Cổ phần S.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSND quận P;
- CC THADS quận P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Út